

Số: 259 /TB-HĐBT

Hoàng Mai, ngày 08 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai 2

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 87 Luật Đất đai năm 2024 và điểm b, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo:

1. Niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình, cá nhân ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II: *(Có phương án chi tiết kèm theo)*
2. Thời gian niêm yết 10 ngày: Bắt đầu từ ngày **09/9÷18/9/2026**.
3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Hoàng Mai, địa chỉ: khối 9, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
 - Nhà văn hóa khối 13, phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.
 - Cổng thông tin điện tử phường Hoàng Mai tại địa chỉ: <https://hoangmai.nghean.gov.vn/>
4. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II thông báo đến các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết và có ý kiến đóng góp xin liên hệ đến UBND phường Hoàng Mai *(qua Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)* hoặc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II, để được hướng dẫn, xem xét giải quyết; thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần (trong giờ hành chính).

Trong thời gian niêm yết, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp gửi đến cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết. Hết thời gian niêm yết nêu trên, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án sẽ phối hợp các cơ quan có liên quan thực hiện các trình tự, thủ tục các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật.

5. Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử phường có trách nhiệm đăng tải Thông báo này trên Cổng thông tin điện tử của UBND phường.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II đề nghị Trưởng khối 13 và các hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án niêm yết công khai được biết, phối hợp thực hiện./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND phường (b/c);
- Các phòng: KYHTĐT, VHXX
- Trưởng khối 13;
- Lưu: HĐBT.

TM. HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày 04 tháng 9 năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: Ông Nguyễn Xuân Long
và bà Lê Thị Quế

Nhân khẩu: 2

Địa chỉ: Khối 12, phường Hoàng Mai, Nghệ An.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Phó Chủ tịch hội đồng; |
| 4 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Bà: Phan Thị Ngọc Thuý | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 8 Ông Nguyễn Đức Đô | Trưởng phòng GPMB, Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 9 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 4510/UBND-NN ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh nghệ An về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II; Công văn số 4550/SNNMT-QLĐĐ ngày 22/4/2026 của của Sở Nông nghiệp và Môi trường, về việc xử lý vướng mắc GPMB dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ báo cáo số 6925/BC-STC ngày 31/7/2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 7/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ các Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026; 628/KTHTĐT ngày 22/6/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 14/8/2026 của UBND phường Hoàng Mai về việc phê duyệt giá đất cụ thể 25 thửa đất tại khu vực Cấn Bồng thời điểm 2005 để xác định mức khấu trừ nghĩa vụ tài chính để thực hiện bồi thường dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chi cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất ở BĐĐC 12, Trích đo số 48/2025	6	200,0	1.000.000	200.000.000
-	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2025	6	17.244,2	73.000	1.258.827.000
2	Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) BĐĐC 12, Trích đo số 48/2025	88	697,7	73.000	50.932.000
	Cộng:		18.141,9		1.509.759.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc					465.149.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất					Diện tích (m2)
TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Nhà ở 1 tầng có via tầng đa, mái lợp ngói, tường xây gạch chỉ dày 220, da trát 2 mặt, nền láng vữa xi măng, tường quét vôi ve S=7,5*5 H=2,5(Kh=0.99)	100%	m2XD	37,5	3.660.000	135.878.000
2	Nhà bếp tường xây gạch chỉ 110, mái lợp ngói, tường da trát 2 mặt quét vôi ve, nền láng vữa xi măng, móng <1m S=5*2,9 H=2 (Kh=0,91)	100%	m2XD	14,5	2.900.000	38.266.000
3	Bể chứa nước xây bằng gạch chỉ (không nắp đậy) V=80*80*50cm	100%	m3	0,32	2.897.000	927.000
-	Khấu trừ không nắp đậy V=80*80*50cm	100%	m3	0,32	-292.000	-93.000

4	Sân BT đá dăm dày 10 cm $S=2,6*2,3+6,7*7,5+6*3$	100%	m2X D	74,23	134.000	9.947.000
5	Mái tôn xốp không tường bao xung quanh $S=6,7*5,2$	100%	m2	34,84	480.000	16.723.000
6	Bể cạn tường xây táp lô, có nắp đậy BTCT dày 10cm $V=6,1*5*3,5$	100%	m3	106,75	1.401.000	149.557.000
7	Chuồng trại chăn nuôi làm bằng vật liệu khó cháy, tường xây gạch tuynel đã bao gồm BT lót nền và móng tường, mái lợp ngói $S=4,8*8,6$ H=1,5 Kh=0.82	100%	m2X D	41,28	1.495.000	46.557.000
8	Bể phốt có nắp đậy BTCT xây gạch $V=4,8*2,7*1,5$	100%	m3	19,44	1.975.000	38.394.000
9	Cổng sắt hộp mã kẽm đã sơn $S=2,3*1,6$	100%	m2	3,68	1.100.000	4.048.000
10	Cọc thép ĐK 75 2 m, 2 cọc, 2m (giá thị trường)	100%	kg	17,9	21.500	385.000
11	Giếng đào có xây ghép thành bên trong, đất cấp 3, ĐK 1,1m, sâu 5m	100%	md	5	2.062.000	10.310.000
12	Bờ rào dây thép gai cọc gỗ, 4 sợi, khoảng cách cọc 2-3m, dài 150m	100%	md	150	95.000	14.250.000
B	Cây cối, hoa màu (I+II)					1.070.069.000

STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Cây nhãn thu hoạch	400	16.881,0	575	Cây	100%	500.000	287.500.000
2	Cây nhãn ĐK 4-5m trong mật độ			100	Cây	100%	270.000	27.000.000
-	Cây nhãn ĐK 4-5m vượt mật độ lần 1			675	Cây	50%	270.000	91.125.000
-	Cây nhãn ĐK 4-5m vượt mật độ lần 2 trở đi			1390	Cây	30%	270.000	112.590.000
3	Cây nhãn ĐK 2.5-4cm vượt mật độ lần 2 trở đi			2160	Cây	30%	200.000	129.600.000
5	Cam ĐK 2-3cm			3420	Cây	30%	150.000	153.900.000

6	Cam TH			15	Cây	30%	800.000	3.600.000
7	Na xiêm TH (Giá tương đương cây na)			11	Cây	30%	400.000	1.320.000
8	Chuối			12	kg	50%	15.000	90.000
9	Đu đủ TH			5	Cây	30%	50.000	75.000
10	Cây đa ĐK 1.5m			1	Cây	30%	600.000	180.000
11	Bạch đàn ĐK 20-30			70	Cây	30%	300.000	6.300.000
12	Dứa queen	3,2858	17.000,0	55.859	kg	50%	7.000	195.505.000
13	Cỏ voi			720	m2	30%	4.000	864.000
Diện tích trồng cây keo riêng biệt								
1	Keo ĐK 5-10			237	Cây	100%	35.000	8.295.000
2	Keo ĐK 10-20			498	Cây	100%	100.000	49.800.000
3	Keo ĐK 30-40			4	Cây	100%	500.000	2.000.000
4	^{gừa} Keo ĐK 5-10			5	Cây	100%	65.000	325.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục	Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI	1.509.759.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT	
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	465.149.000
2	Cây cối, hoa màu	1.070.069.000
3	Vật nuôi	0
	Tổng cộng:	3.044.977.000

IV. KHẤU TRỪ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

-9.302.000

1. Tiền sử dụng đất phải nộp: 25.000 đồng *200 m2

-5.000.000

2. Khoản phải nộp bổ sung (theo NĐ 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025: 3,6%/năm)
(tính từ ngày 28/10/2002 UBND huyện Quỳnh Lưu ban hành Quyết định số 734/2002/QĐ-UBND về việc huy động giãn dân theo hộ gia đình

$$5.000.000 \times 23,9 \times 3,6\%/năm = -4.302.000$$

V. PHẦN HỖ TRỢ:

2.635.317.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

$$17.941,9 \text{ m}^2 \times 73.000 \times 2 = 2.619.517.000$$

2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 89,60 %)

$$2 \text{ khẩu} \times 12 \text{ tháng} \times 30 \text{ kg} \times 15.000 \text{ đồng} = 10.800.000$$

3. Chi phí di chuyển tài sản: 5.000.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 5.670.992.000

Bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn.

VI. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....

.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT & ĐT



Nguyễn Đức Đô
Đại diện Chủ đầu tư



Đậu Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Phan Thị Ngọc Thuý
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng KT, HT & ĐT



Vũ Xuân Lượng
Trưởng phòng KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
Do thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu công nghiệp Hoàng Mai II

(Hội đồng BT, HT & TĐC thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND phường Hoàng Mai)

Hôm nay, ngày tháng năm 2026.

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II đã xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại khu đất thu hồi cho:

Chủ sử dụng: **Ông Nguyễn Hữu Tròn và bà Lê Thị Thủy** **Nhân khẩu: 6**

Địa chỉ: khối 11, phường Hoàng Mai, Nghệ An

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

- | | |
|--------------------------|--|
| 1 Bà: Nguyễn Thị Mai | Phó Chủ tịch UBND phường, Chủ tịch hội đồng; |
| 2 Ông: Vũ Xuân Lượng | Trưởng phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 3 Ông: Lê Đăng Hiệp | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 4 Bà: Phan Thị Ngọc Thủy | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 5 Ông: Nguyễn Trọng Tài | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 6 Ông: Nguyễn Hoàng Sơn | Chuyên viên phòng KT, HT&ĐT, Thành viên; |
| 7 Bà: Nguyễn Đức Đô | Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt, Thành viên; |
| 8 Bà Đậu Thị Thanh Hiền | CB Hội đồng BT, HT&TĐC. |

Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Quyết định số 72/2024/QĐ-UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An, Quy định Bảng giá đất các phường, xã trên bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 589/UBND-NN ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 561/SNNMT-KHTC ngày 15/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An về việc áp dụng giá đất để bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư theo quy định tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 37/KTHTĐT ngày 18/01/2026 của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Hoàng Mai về việc cung cấp phương án giá đất để thực hiện lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 111/2025/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức bồi thường, hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 1607/UBND-CN ngày 12/2/2026 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giải quyết vướng mắc giải phóng mặt bằng khu công nghiệp Hoàng Mai II. Công văn số 1661/SNNMT-QLĐĐ ngày 09/2/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giải quyết vướng mắc GPMB dự án.

Căn cứ báo cáo số /BC-STC ngày /2026 của Sở Tài chính về việc báo cáo giá thị trường tháng 8/2026 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn của Đội thống kê số 10 chỉ cục thống kê tỉnh Nghệ An số 43/TK-NN ngày 23/4/2025;

Căn cứ biên bản làm việc ngày 10/6/2026 về việc xác minh, bổ sung một số hạng mục tài sản

Căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng và các chế độ chính sách bồi thường, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai II xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất như sau:

I. GIÁ TRỊ CÁC LOẠI ĐẤT THU HỒI:

TT	Loại đất	Thửa	Diện tích TH (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Thành tiền (đ)
1	Đất trồng cây hàng năm (HNK) BĐĐC 9, Trích đo số 48/2025	17	12.584,5	73.000	918.669.000
	Cộng:		12.584,5		918.669.000

II. GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG TÀI SẢN TRÊN ĐẤT:

A	Vật kiến trúc							27.960.000
	Tài sản trên thửa phù hợp với mục đích sử dụng đất						Diện tích (m2)	
TT	Tên hạng mục		Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)	
2	Đường ống nước nhựa TP ĐK 60		100%	md	270	98.000	26.460.000	
3	Khoá đường ống nước ĐK 60		100%	cái	25	60.000	1.500.000	
B	Cây cối, hoa màu							1.216.737.000
STT	Loại cây	Mật độ (cây/h a)	Diện tích trồng (m2)	Khối lượng	ĐV tính	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Nhãn	400	12.580,0					-
-	Nhãn thu hoạch trong mật độ			503	cây	100%	500.000	251.500.000
-	Nhãn thu hoạch vượt mật độ 1 lần			503	cây	50%	500.000	125.750.000
-	Nhãn thu hoạch vượt mật độ còn lại			1114	cây	30%	500.000	167.100.000
-	Nhãn đường kính thân 4cm			3912	cây	30%	270.000	316.872.000

-	Nhân đường kính thân <2,5cm			5015	cây	30%	130.000	195.585.000
2	Ồi thu hoạch			185	cây	30%	300.000	16.650.000
3	Keo ĐK 20-30 cm			53	cây	30%	300.000	4.770.000
4	Dứa Queen Sản lượng 3.2858		12044	39574	kg	50%	7.000	138.510.000
C	Vật nuôi							0

III. TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

TT	Hạng mục		Số tiền (đ)
A	ĐẤT ĐAI		918.669.000
B	TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		
1	Nhà cửa, vật kiến trúc		27.960.000
2	Cây cối, hoa màu		1.216.737.000
3	Vật nuôi		0
	Tổng cộng:		2.163.366.000

IV. PHẦN HỖ TRỢ: 1.905.395.000

1. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:
- 12.584,5

m²

x

73.000

x

2

=

1.837.337.000
2. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ thu hồi: 84,90 %)
- 6

khẩu

x

12

tháng

x

30

kg

x

15.000

đồng

=

32.400.000
- Hỗ trợ khác đối với tài sản xây dựng trên đất nông nghiệp: 50% mức bồi thường
- 4

theo giá trị hiện hành (theo Công văn số 756/UBND ngày 07/5/2026 của UBND phường Hoàng Mai)

35.658.000

TT	Tên hạng mục	Hệ số	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
1	Bờ rào thép gai 4 sợi cọc bê tông	50%	md	751	95.000	35.658.000

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:

4.068.761.000

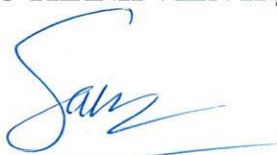
Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi một ngàn đồng chẵn

V. Ý KIẾN HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN:

.....
.....

ĐẠI DIỆN CHỦ SỬ DỤNG

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ THỰC HIỆN DỰ
ÁN KHU CÔNG NGHIỆP HOÀNG MAI II**



Nguyễn Hoàng Sơn
Chuyên viên phòng KTHT &
ĐT



Nguyễn Đức Đô
Đại diện Chủ đầu tư



Đặng Thị Thanh Hiền
Cán bộ HĐ GPMB



Lê Đăng Hiệp
Chuyên viên phòng KT,
HT & ĐT



**Phan Thị Ngọc
Thùy**
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Nguyễn Trọng Tài
Chuyên viên phòng
KT, HT & ĐT



Vũ Xuân Lượng
Trưởng phòng
KT, HT & ĐT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BT, HT & TĐC



Nguyễn Thị Mai
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG HOÀNG MAI